

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

1.1 Khái niệm và nội dung đặc điểm cơ bản về kế toán phải trả người bán

1.1.1 Khái niệm

“Trong quá trình sản xuất kinh doanh bất kỳ một doanh nghiệp nào để duy trì tính liên tục và hiệu quả thì luôn phải đảm bảo tốt các yếu tố đầu vào như: yếu tố vật tư, hàng hóa, tài sản và dịch vụ thuê ngoài phục vụ sản xuất kinh doanh. Xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường, ngoài quan hệ thanh toán trả tiền ngay thì quan hệ mua bán chịu ngày càng trở nên phổ biến, tạo ra những khoản nợ phải trả người bán.

Kế toán phải trả người bán là khoản tiền mà đơn vị phải thanh toán các khoản nợ cho người bán hàng hóa, vật tư, người cung cấp dịch vụ có trách nhiệm phải hoàn trả sau một khoảng thời gian nhất định.” (Nguồn tham khảo: Giáo trình Kế toán tài chính 2, Học viện Tài chính)

1.1.2 Đặc điểm và phân loại kế toán phải trả người bán

+ **Đặc điểm**

- Theo Chuẩn mực kế toán chung (VAS 01): “Nợ phải trả là nghĩa vụ hiện tại phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà đơn vị thanh toán từ nguồn lực của mình”. Công ty phải cam kết thanh toán khoản nợ phải trả nợ bằng nguồn lực kinh tế dựa trên bản hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên. Số tiền được xác định một cách đáng tin cậy.

- Các khoản phải trả người bán thường xuyên phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bất kỳ một công ty nào đặc biệt đối với các công ty sản xuất hay thương mại, do đó kế toán phải trả cần được quản lý liên tục và theo dõi chặt chẽ để đảm bảo tính chính xác và kịp thời việc thanh toán.

- Kế toán phải trả người bán có ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền ra vào của công ty. Việc quản lý không tốt các khoản phải trả có thể dẫn đến các vấn đề thanh khoản, làm ảnh hưởng đến khả năng thanh toán các chi phí khác hoặc làm giảm khả năng đầu tư của công ty.

- Các khoản “giảm giá, khuyến mãi, chiết khấu thanh toán giảm giá hàng bán” của nhà cung cấp ngoài hóa đơn mua hàng, phải ghi chép vào sổ kế toán tương ứng với từng khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

+ **Phân loại:**

- Phải trả người bán ngắn hạn: Đây “là các khoản phải trả mà giá trị các khoản nợ phải trả người bán có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng bao gồm các khoản nợ phát sinh từ các giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ thường xuyên hoặc dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường tại thời điểm báo cáo. Bao gồm: vay ngắn hạn, nợ ngắn hạn, phải trả người bán, trả lương công nhân viên, thuế và các khoản phải nộp nhà nước,...”

- Phải trả người bán dài hạn: Đây “là các khoản phải trả mà giá trị các khoản nợ phải trả người bán dài hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên thường liên quan đến việc mua hàng hóa tài sản cố định hoặc các hợp đồng cung cấp dịch vụ dài hạn. Bao gồm: vay dài hạn, nợ dài hạn,...” (Nguồn: VIB,2023)

1.1.3 Vai trò và nhiệm vụ

+ **Vai trò**

Kế toán phải trả người bán là có vai trò then chốt quan trọng trong việc quản lý công nợ, tối ưu hóa dòng tiền đảm bảo tính chính xác của báo cáo tài chính và hỗ trợ ra quyết định toàn bộ công tác kế toán của một công ty liên quan đến các khoản thanh toán nợ phải trả. Việc vận hành quản lý công nợ và dòng tiền không chỉ là kiểm soát mà còn là vấn đề cần thiết ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của công ty. Tùy vào thời gian, đặc điểm, loại hình sản xuất kinh doanh, quy mô, ngành nghề kinh doanh, trình độ quản lý trong công ty và trình độ đội ngũ kế toán để tổ chức bộ máy kế toán cho phù hợp. Tổ chức công tác kế toán phải trả người bán góp phần rất lớn trong việc lành mạnh hóa tình hình tài chính của công ty không chỉ đảm bảo công ty thực hiện đúng các nghĩa vụ tài chính với nhà cung cấp mà còn góp phần vào sự ổn định và phát triển bền vững của công ty.

+ **Nhiệm vụ**

Nhiệm vụ của kế toán phải trả người bán là ghi nhận và theo dõi, phân tích, đánh giá các khoản phải trả cũng như đưa ra những phương pháp ý kiến cho các cấp quản lý để từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn nhất trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Đối chiếu và xác nhận, tính toán - ghi chép, phản ánh một cách kịp thời chính xác, đầy đủ từng khoản nợ phải trả theo từng đối tượng về số nợ phải trả, nợ đã thu – nợ đã trả hay số nợ còn phải thu – phải trả.

Kiểm tra, rà soát giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ chuẩn mực và các quy định pháp luật về quản lý những khoản nợ phải trả.

Tổng hợp cũng như xử lý thanh toán về tình hình công nợ hiện đang trong hạn, đang đến hạn, quá hạn hay những công nợ có khả năng khó thu, khó trả,...Đề từ đó quản lý công nợ được tốt hơn, góp phần cải thiện được tình hình tài chính của công ty một cách hiệu quả và ổn định.

1.2 Ý nghĩa và sự cần thiết của quy trình kế toán phải trả người bán.

Các khoản phải trả người bán phải đảm bảo tính chính xác và nhất quán trong báo cáo tài chính cũng như khả năng thanh toán của một công ty. Giúp công ty ghi nhận chính xác các khoản phải trả đảm bảo rằng các giao dịch tài chính liên quan được hạch toán đúng và đầy đủ. Điều này không chỉ tăng cường tính minh bạch mà còn đảm bảo rằng các báo cáo tài chính của công ty phản ánh trung thực và nhất quán tình hình tài chính. Một công ty nếu muốn phát triển bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay thì cần phải làm tốt việc quản lý các khoản phải trả và nâng cao khả năng thanh toán, kiểm soát tốt các dòng tiền ra, lập kế hoạch thanh toán hợp lý và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực tài chính của công ty mình. Cải thiện các mối quan hệ với nhà cung cấp tăng cường niềm tin và sự tin tưởng từ các nhà cung cấp bởi việc duy trì mối quan hệ với nhà cung cấp là yếu tố quan trọng để công ty có được các điều kiện mua hàng ưu đãi như giảm giá, chiết khấu,... Kế toán phải trả người bán phải theo dõi sắc sảo chính xác chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế, đặc biệt là các nghiệp vụ kinh tế thường xuyên có tính chất rắc rối phức tạp, có nhiều rủi ro. Đồng thời, đòi hỏi người kế toán phải báo cáo kịp thời cho nhà quản trị để xem xét các khoản phải trả tránh để tồn đọng lại để không dẫn đến tình trạng lạm dụng vốn quá lớn của nhà cung cấp, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và sự tin tưởng uy tín của công ty, bên cạnh đó có hướng duy trì các khoản phải trả ít, không dây dưa kéo dài. Do đó, việc có một quy trình rõ ràng phân tích, quản lý tình hình tài chính và khả năng thanh toán là điều cần thiết quan trọng và không thể nào thiếu đối với công ty trong nền kinh tế hiện nay đồng thời đáp ứng yêu cầu pháp lý và chuẩn mực kế toán giúp cho

các nhà quản trị công ty đảm bảo rằng công ty hoạt động đúng pháp luật mà còn tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình kiểm toán và báo cáo tài chính.

1.3 Luật, nghị định, thông tư, chuẩn mực:

+ Luật:

- Luật số 32/2013/QH13, Quốc hội khóa VIII ngày 19/06/2013 ban hành “*Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp*”, ngày hiệu lực 01/01/2014.
- Luật số 71/2014/QH13, Quốc hội VIII ngày 26/11/2014 ban hành “*Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các luật về thuế*”, ngày hiệu lực 01/01/2015
- Luật kế toán số 88/2015/QH13, Quốc Hội khóa VIII ban hành về “*Luật kế toán*”, ngày ban hành 20/11/2015, ngày hiệu lực 01/01/2017.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Quốc Hội Khóa XIV, ban hành về “*Luật doanh nghiệp*”, ngày ban hành 17/06/2020, ngày hiệu lực 01/01/2021.

(Nguồn: Thư viện Pháp Luật)

+ Nghị định:

- Nghị định 109/2013/NĐ-CP ban hành ngày 24/09/2013, “*Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn*” do chính Phủ ban hành (có hiệu lực từ ngày 09/11/2013).
- Nghị định 13/VBHN-BTC ngày 26/05/2015 của Bộ Tài Chính “*Quy định chi tiết bài hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng*” (có hiệu lực từ ngày 15/02/2014).
- Ngày 10/04/2016 Chính phủ ban hành Nghị định 139/2016/NĐ-CP “*Quy định người nộp lệ phí môn bài, miễn lệ phí môn bài, mức thu và khai, nộp lệ phí môn bài với tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ*” (có hiệu lực từ ngày 01/01/2017).

(Nguồn: Thư viện Pháp Luật)

+ Chuẩn mực:

- “Chuẩn mực số 14 – “*Doanh thu và thu nhập khác*”, điều 10 và 16 (Ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

- Chuẩn mực kế toán số 01 – “*Chuẩn mực chung*”, điều 31 (Ban hành và công bố theo quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2003)”.
(Nguồn: Thư viện Pháp Luật)

(Nguồn: Thư viện Pháp Luật)

+ **Thông tư:**

- “Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

- Thông tư 156/2013/TT-BTC : Hướng dẫn luật quản lý thuế sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế, Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật quản lý Thuế và Nghị định 83/2013/NĐ-CP do BTC ban hành ngày 6/11/2013, ngày hiệu lực 20/12/2013.

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6/11/2023, ngày hiệu lực 20/12/2023”.

(Nguồn: Thư viện Pháp Luật)

1.4 Nguyên tắc hạch toán của kế toán phải trả người bán.

- “Kế toán các khoản phải trả người bán theo dõi chi tiết trên từng đối tượng nợ phải trả, theo từng hợp đồng. Phản ánh chi tiết các nội dung có liên quan đến trái phiếu phát hành, bao gồm: mệnh giá, chiết khấu, giảm giá hàng bán và phụ nội trái phiếu, đồng thời theo dõi chi tiết theo thời hạn phát hành trái phiếu.

- Các khoản phải trả bằng ngoại tệ phải hạch toán bằng tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch. Cuối kỳ phải điều chỉnh theo giá thực tế.

- Tài khoản 331 này không theo dõi các nghiệp vụ mua hàng trả tiền ngay tại thời điểm giao hàng (bằng tiền mặt, séc hoặc đã trả qua ngân hàng,...)

- Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Phản ánh các nghiệp vụ chiết khấu, giảm giá phát sinh được bán chấp nhận làm thay đổi số nợ sẽ thanh toán. Khi hạch toán chi tiết các khoản này thì kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hóa đơn mua hàng.

- Đối với những khoản nợ phải trả bằng vàng, bạc, đá quý thì cần chi tiết cả chi tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ điều chỉnh theo số dư thực tế.
- Đối với các đối tượng có quan hệ giao dịch, mua bán thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán cần kiểm tra đối chiếu từng khoản nợ lớn phát sinh, số đã thanh toán và số còn lại phải thanh toán có xác nhận bằng văn bản.
- Không bù trừ công nợ giữa nhà cung cấp, giữa khách hàng mà phải căn cứ trên sổ chi tiết để lấy số liệu lập bảng cân đối kế toán cuối kỳ.
- Theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải trả theo từng đối tượng, thường xuyên tiến hành đối chiếu, kiểm tra tình hình thanh toán được kịp thời”. (Nguồn: Nguyên tắc hạch toán TK 331- Theo thông tư 200, Kế toán Thiên Ưng)

Tài khoản sử dụng TK 331 – phải trả người bán

“Bên Nợ:

- Số tiền đã trả người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp.
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao.
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả người bán.
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam).

Bên Có:

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp.
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của một số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.
- Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).

Số dư bên có: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

Số dư bên nợ: Số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh tài khoản này để ghi hai chi tiêu bên “Tài sản” và “Nguồn vốn”.

Lưu ý khi kiểm tra và xử lý số liệu tài khoản phải trả người bán:

Tài khoản 331 – Phải trả người bán là một tài khoản lưỡng tính, có thể có số dư cả hai bên. Kế toán chỉ được cân trừ bên Nợ và bên Có TK 331 của cùng một đối tượng. Hồ sơ cân trừ công nợ bao gồm:

- + Bảng đối chiếu công nợ
- + Biên bản thỏa thuận về việc cân trừ công nợ
- + Cách hạch toán: Nợ 331/ có TK 131

Cuối năm, kế toán phải lập biên bản đối chiếu công nợ có chữ ký và dấu của cả 2 bên.”

(Nguồn: Nguyên tắc hạch toán TK 331 theo thông tư 200, Kế toán Thiên Ưng)

1.5 Hạch toán kế toán phải trả người bán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC:

“Mua hàng vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ:

a) Trường hợp mua trong nội địa, ghi:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ các TK 152, 153, 156, 157, 211, 213 (Giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 331 – Phải trả người bán

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa, TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT.

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả TTĐB, Thuế XK, ghi:

Nợ các TK 153, 152, 156, 157, 211, 213.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312).

Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

a) Trường hợp mua trong nội địa:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

b) Trường hợp nhập khẩu, ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi:

Nợ TK 611 - Mua hàng.

Có TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 3332 - Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 - Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết thuế nhập khẩu, nếu có)

Có TK 33381 - Thuế bảo vệ môi trường.

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 - Thuế GTGT phải nộp (33312). TK 152, 153, 156, 157, 211, 213.

Trường hợp đơn vị có thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao của bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp, hoá đơn khối lượng xây lắp hoàn thành:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 241 - XDCCB dở dang (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112, 341,...

+ Trường hợp phải thanh toán cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

+ Trường hợp đã ứng trước tiền cho nhà thầu bằng ngoại tệ, kế toán ghi nhận giá trị đầu tư XDCCB tương ứng với số tiền đã ứng trước theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước. Phần giá trị đầu tư XDCCB còn phải thanh toán (sau khi đã trừ đi số tiền ứng trước) được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế thấp hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền)

Có các TK 111, 112, ... (tỷ giá ghi sổ kế toán)

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính (nếu tỷ giá giao dịch thực tế cao hơn tỷ giá ghi sổ kế toán của TK tiền).

Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi:

Nợ các TK 111, 112, ...

Có TK 331 - Phải trả cho người bán.

Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước, điện thoại, kiểm toán, tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi:

Nợ TK 156 - Hàng hóa (1562)

Nợ TK 241 - XDCCB dở dang

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán).

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán).

Chiết khấu thanh toán mua vật tư, hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.

Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 152 153 156 611.

Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu:

+ Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC... căn cứ các chứng từ liên quan, ghi: Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

+ Khi nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do bên nhận uỷ thác giao trả, kế toán thực hiện như đối với hàng nhập khẩu thông thường.

+ Khi trả tiền cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu về số tiền hàng nhập khẩu và các chi phí liên quan trực tiếp đến hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết cho từng đơn vị nhận uỷ thác)

Có các TK 111, 112,...

+ Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu, căn cứ các chứng từ liên quan, ghi:

Nợ các TK 151, 152, 156, 211,...

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (chi tiết từng đơn vị nhận ủy thác).

+ Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 - Thuế và khoản phải nộp Nhà nước.

+ Đơn vị nhận ủy thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán ủy thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam, ghi:

Nợ TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4131).

Có TK 331 – Phải trả người bán.”

(Nguồn: Tài khoản 331- Theo Thông Tư 200, Kế toán Thiên Ưng)

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG VIỆC KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI

BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG

QH

2.1 Giới thiệu về công ty.

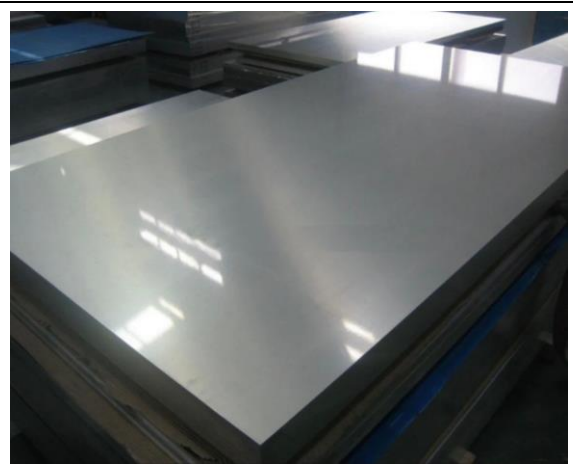
2.1.1 Thông tin về công ty thực hiện đề tài

Logo	 <p style="text-align: center;">QH ENVIRONMENT - CONSTRUCTION. CO. LTD</p>
Tên giao dịch Tiếng Việt	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH
Tên giao dịch Tiếng Anh	QH ENVIRONMENT CONSTRUCTION COMPANY LIMITED
Địa chỉ	345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người đại diện pháp luật	Huỳnh Nhơn Quý
Ngày cấp giấy phép	06/12/2014
Mã số thuế	0313042939
Số điện thoại	028 6685 4539 – 0934 893 855
Website	xulymoitruong.org
Email	xaydungmoitruongqh@gmail.com
Ngành nghề kinh doanh	<p>Xây Dựng – Môi Trường</p> <p>Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng</p> <p>Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp</p> <p>Xây dựng công trình kỹ thuật</p> <p>Thoát nước và xử lý nước thải...</p>

+ Hình ảnh minh họa sản phẩm/dịch vụ:



Hình 2.1: Văn phòng Công ty.



Hình 2.2: Tấm Inox 304.

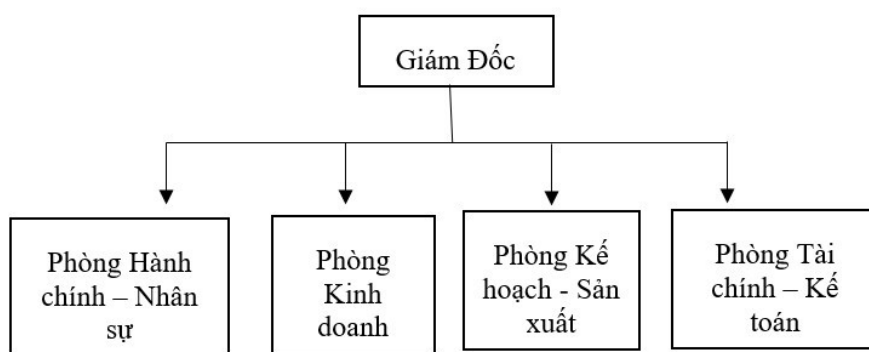


Hình 2.3: Đồng hồ gang.



Hình 2.4: Mặt kính bích INox.

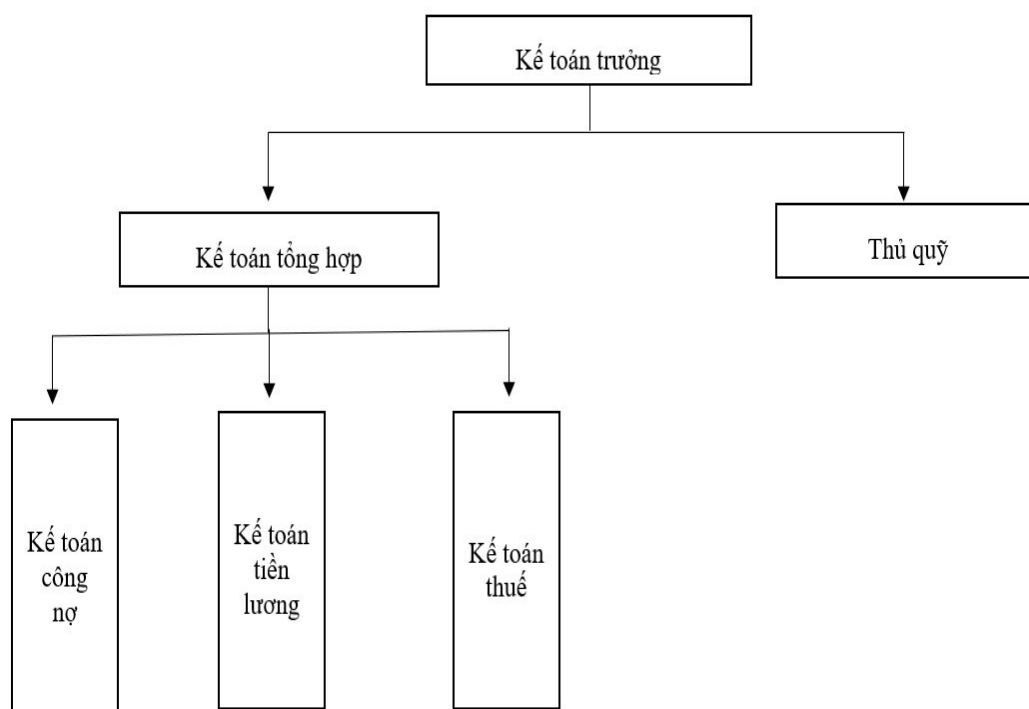
2.1.2 Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức công ty.

2.2 Tổ chức hệ thống kế toán:

2.2.1. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức phòng kế toán.

2.2.2 Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán

+ **Kế toán Trưởng: Trần Thị Kim Yến**

Là người đứng đầu trong bộ phận tổ chức kế toán, giám sát, quản lý chặt chẽ công việc của các kế toán viên và làm việc dưới quyền quản lý của Giám Đốc trong Công ty. Công việc của kế toán trưởng như sau:

- Tổ chức bộ máy kế toán trên cơ sở xác định đúng khối lượng công việc của công tác kế toán, điều hành và kiểm soát hoạt động của bộ máy kế toán.
- Phê duyệt các tài liệu kế toán và vấn đề liên quan đến tài chính của công ty.
- Đưa ra ý kiến, phương pháp cho giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch, chiến lược kinh tế tài chính cho sự phát triển của công ty.
- Nắm bắt theo dõi các thông tin về hoạt động nhân sự của phòng kế toán.
- Lập báo cáo, quyết toán hàng kỳ hàng tháng, báo cáo thống kê tình hình tài chính một cách nhanh chóng kịp thời.

+ Kế toán Tổng hợp: Bùi Thị Thu Hương

- Cung cấp thông tin về các số liệu, dữ liệu trên các tài khoản, sổ sách kế toán và báo cáo tài chính theo các chính sách của công ty.
- Ghi chép, xử lý thông tin, số liệu kế toán và các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày của công ty.
- Hỗ trợ quản lý và kiểm soát nội bộ.
- Theo dõi phản ánh và quản lý công nợ qua báo cáo của kế toán công nợ.
- Là cơ sở lập báo cáo tài chính.
- Tính toán giá thành sản xuất thực tế theo từng sản phẩm. Cuối cùng thực hiện bút toán phân bổ và kết chuyển.

+ Kế toán Thủ quỹ: Hà Thị Mỹ Duyên

- Quản lý vấn đề thu chi đầu vào, đầu ra của Công ty. Bao gồm quản lý tất cả các khoản thu/chi phát sinh, kiểm tra phiếu thu - chi, phê duyệt ký xác nhận, giao các liên, tạm ứng,... theo quy chế của công ty, quỹ tiền mặt và các chứng từ kèm theo. Kế toán thu/chi có trách nhiệm đối chiếu nội dung số tiền trên phiếu thu/chi với chứng từ nguyên bản. Còn phải thực hiện dự toán thu/chi ngân sách được giao.
- Thực hiện thu - chi tiền mặt hợp lý, chặt chẽ và chính xác đảm bảo quỹ tiền mặt trong chế độ an toàn, hạn chế tối đa tình trạng lạm dụng thu - chi.

- Điều chỉnh các khoản thu và khoản chi sao cho cân bằng, không để xảy ra tình trạng bội thu - chi. Thực hiện theo dõi tồn quỹ tiền mặt một cách chặt chẽ, lập báo cáo quỹ tiền mặt hàng ngày, hàng kỳ.

- Lưu trữ chứng từ thu - chi tiền, thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày.

- Thực hiện hạch toán nghiệp vụ quỹ tiền mặt chính xác và đầy đủ.

+ Kế toán thuế: Lê Thị Kim Liên

- Kế toán thuế kiểm tra và đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào và đầu ra.

- Nghĩa vụ của các công đối với nhà nước là phải nộp thuế kịp thời đúng hạn giúp Nhà nước có thể quản lý hiệu quả nền kinh tế.

- Cứ đầu năm kế toán thuế cần kê khai và nộp thuế môn bài; nộp tờ khai các loại thuế; nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.

- Lập báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân.

- Cập nhật tình hình thông tin mới nhất về luật thuế, soạn thông báo hay những thông tin liên quan đến các quy định thuế có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh cả công ty.

+ Kế toán tiền lương: Nguyễn Thị Ngọc Ánh

- Theo dõi, quản lý ghi chép kịp thời số lượng người lao động, thời gian lao động, tính chính xác tiền lương phải trả cho nhân viên công ty (gồm tiền lương, tiền nghỉ phép năm, tiền thưởng lễ tết,...)

- Quản lý chi phí nhân sự, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

- Dựa vào bảng chấm công và các giấy tờ liên quan như giấy xin nghỉ phép, quy chế lương thưởng,... tính chính xác số tiền BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ vào chi phí, các khoản phụ cấp, trợ cấp,... theo đúng quy định của pháp luật và quy chế của doanh nghiệp. Trả lương đúng hạn cho người lao động, giám sát quản lý tình hình sử dụng quỹ lương, cung cấp tài liệu cho các phòng quản lý, chức năng, lập kế hoạch quỹ lương kỳ sau.

- Đảm bảo việc thanh toán lương đúng ngày cho nhân viên người lao động và xây dựng thang bảng lương để nộp cơ quan bảo hiểm.

+ Kế toán Công nợ: Trần Lê Như Ý

- Kiểm tra kỹ lưỡng minh bạch khi thực hiện các thủ tục lập chứng từ thu – chi cho công ty.
- Theo dõi quản lý các lãi vay, hạn vay, thanh toán các công nợ, tạm ứng và thực hiện việc lập kiểm tra hạch toán giao dịch báo có của ngân hàng.
- Đối chiếu số dư quỹ về số dư quỹ tiền mặt cuối ngày làm việc.
- Theo dõi công nợ khách hàng. Báo cáo công nợ khách hàng để thanh toán đúng hạn.
- Ghi chép đối chiếu, giám sát đầy đủ và chính xác rõ ràng từng nghiệp vụ thanh toán theo từng đối tượng hàng tháng với kế toán để lấy cơ sở hàng tháng và lập kế hoạch thanh toán kịp thời cho nhà cung cấp.

2.2.3. Đặc điểm và chính sách kế toán:

+ **Đặc điểm:**

- Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp theo “Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.”
- Hình thức kế toán: Theo dạng nhật ký chung.
- Xử lý dữ liệu: Công ty sử dụng bằng phần mềm Aibooks Bkav.

+ **Chính sách kế toán:**

- Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào 31/12 hàng năm (năm dương lịch).
- “Đơn vị tiền tệ” được công ty sử dụng để ghi chép trong kế toán là: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Công ty tính “thuế giá trị gia tăng” theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty áp dụng nguyên tắc giá gốc.
- “Hàng tồn kho” được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- “Giá trị hàng tồn kho” được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” được lập vào thời điểm cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.
- Khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng.

- Phương pháp xác định giá trị dở dang cuối năm: “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng đối tượng chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.”

- Giao dịch ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản nợ phải trả: Được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản dự phòng phải trả: Được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể dẫn đến việc yêu cầu phải trả thanh toán nghĩa vụ nợ.

- Những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả: “Dự phòng bảo hành công trình được trích lập từ 3% - 5% giá trị công trình dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Giám Đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.”

2.3 Thực trạng công việc kế toán phải trả người bán tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH

2.3.1. Yêu cầu của công việc

+ Mục đích công việc:

- Kiểm soát quản lý, theo dõi và hỏi thúc các khoản phải trả của Công ty liên đến nhà cung cấp.

- Tiến hành ghi sổ kế toán và hoàn thiện chứng từ mua hàng.

+ Nhiệm vụ chính của kế toán các khoản phải trả người bán:

- Nhận hợp đồng kinh tế, hợp đồng nguyên tắc từ các bộ phận liên quan.

- Kiểm tra nội dung các điều khoản trong hợp đồng có liên quan đến các điều khoản thanh toán của công ty.

- Kiểm tra và hạch toán các chứng từ liên quan đến mua hàng, chi tiền vào sổ sách kế toán.

- Lập và quản lý theo dõi danh sách các hợp đồng mua - bán hàng và hạng mục của nhà cung cấp.

- Theo dõi tình hình và lập kế hoạch thanh toán với nhà cung cấp.

- Lập báo cáo công nợ chi tiết phải trả nhà cung cấp, báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng, thông tin chung về công nợ phải trả nhà cung cấp.

- Theo dõi tình hình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài nước của các bộ phận.
- Quản lý đối chiếu công nợ phải trả nhà cung cấp định kỳ và bất kỳ thời gian nào và các hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng.
- In sổ sách và lưu trữ chứng từ.

+ Kết quả của công việc:

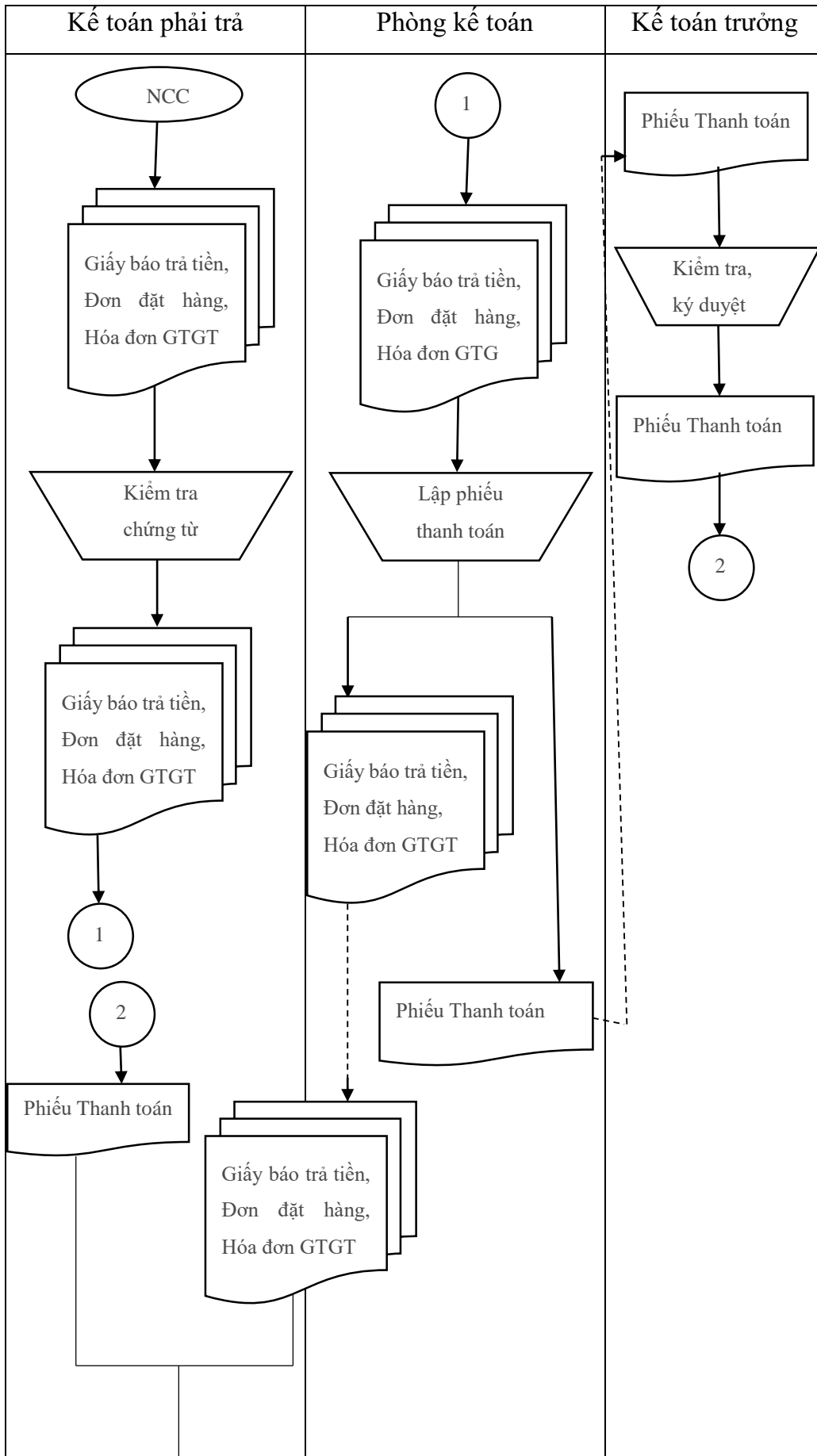
- Hoàn thành đúng tiến độ công việc, có trách nhiệm lập các báo cáo, báo cáo quản trị về tình hình phải trả nhà cung cấp.
- Theo dõi, kiểm soát và quản lý tình hình các khoản phải trả người bán của công ty.
- Lưu trữ hồ sơ chứng từ hợp lý hợp lệ.
- Báo cáo tình hình công nợ theo dài hạn, góp phần hỗ trợ đáng kể đến tình hình phát triển của công ty.

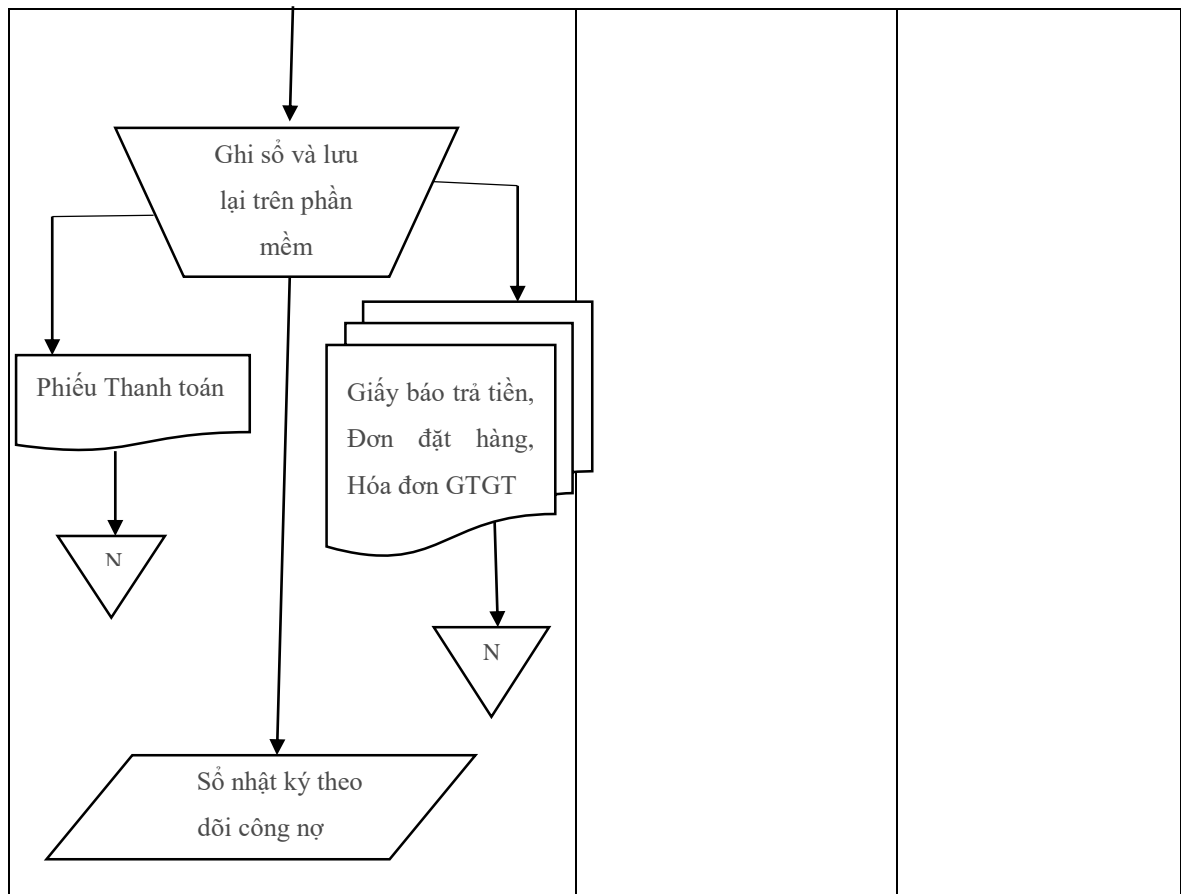
+ Các yêu cầu cho vị trí công việc:

- Trình độ: Tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng chuyên ngành Kế Toán, Tài chính.
- Kinh nghiệm: Ít nhất 6 tháng kinh nghiệm làm trong lĩnh vực: Kế Toán mua hàng, Kế toán thanh toán và Kế Toán công nợ phải trả.
- Kỹ năng: Có chứng chỉ tiếng anh. Trung thực tỉ mỉ, hòa đồng vui vẻ, chịu được áp lực cao, thể hiện tính chủ động trong công việc.

2.3.2. Trình tự tiến hành

+ Lưu đồ quy trình kế toán phải trả tại Công ty:





Lưu đồ 2.1: Lưu đồ quy trình phải trả người bán tại Công ty.

Diễn giải:

Bước 1: Nhà cung cấp nhận yêu cầu đặt hàng từ công ty. Kế toán phải trả tiếp nhận các chứng từ: Giấy báo trả tiền, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT,...

Bước 2: Kế toán phải trả tiến hành kiểm tra các chứng từ thanh toán mà nhà cung cấp gửi đến.

- Giấy báo trả tiền
- Đơn đặt hàng
- Hóa đơn GTGT

Bước 3: Sau khi kiểm tra chứng từ xong thì gửi toàn bộ chứng từ cho phòng kế toán tiến hành lập phiếu thanh toán cho nhà cung cấp.

Bước 4: Sau đó Phòng kế toán gửi phiếu thanh toán cho kế toán trưởng kiểm tra và ký duyệt.

Bước 5: Sau khi ký duyệt thì kế toán trưởng sẽ gửi lại bộ chứng từ cho kế toán phải trả.

Bước 6: Kế toán phải trả căn cứ vào bộ chứng từ và phiếu thanh toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký theo dõi công nợ.

Bước 7: Lưu chứng từ và phiếu thanh toán bằng số thứ tự và phần mềm của công ty và theo dõi sổ nhật ký công nợ.

2.3.3 Kết quả công việc

+ Liên quan đến loại chứng từ kế toán:

- Chứng từ mua hàng: hợp đồng kinh tế mua bán, Bảng báo giá (nếu có), hóa đơn bán hàng (hóa đơn VAT) do nhà cung cấp lập, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho,....

- Chứng từ thanh toán tiền mua hàng: phiếu thu - chi, giấy báo nợ - có, ủy nhiệm chi, séc,....

- Chứng từ ứng trước tiền: phiếu thu do nhà cung cấp lập.

+ Liên quan đến bút toán:

Nghiệp vụ 1 (Phụ lục 1,3,4): Kế toán tiếp nhận, kiểm tra nội dung hợp đồng, nhập thông tin vào bảng theo dõi hợp đồng kinh tế mua vào. Sau đó làm các báo cáo công nợ phải trả nhà cung cấp theo tuổi nợ hay những chính sách mà nhà cung cấp cho Công ty được hưởng và tiến hành thanh toán nợ cho Công ty. Ngày 19/03/2024, Căn cứ theo hợp đồng số 01.KN-QH/2023 Công ty chuyển khoản thanh toán 100% giá trị hợp đồng 23.274.000 đồng cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Khoa Nam.

Nợ TK 331_KN	23.274.000 đồng
Có TK 112	23.274.000 đồng.

Nghiệp vụ 2 (Phụ lục 5): Ngày 22/03/2024, mua Bộ khuấy trộn từ Công ty TNHH TM- KTDV Tâm Thịnh Phát đơn giá chưa bao gồm thuế 2.600.000 đồng, thuế GTGT 10%. Hóa đơn số 59, ký hiệu 1C24TTP. Chưa thanh toán cho người bán.

Nợ TK 641:	2.600.000 đồng
Nợ TK 133:	260.000 đồng
Có TK 331_TTP:	2.860.000 đồng.

Nghiệp vụ 3: (Phụ lục 6): Ngày 03/04/2024 Công ty mua thiết bị đồng hồ nước thân gang để phục vụ cho văn phòng từ nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đại Phúc với số tiền chưa thuế là 3.080.000 đồng, thuế GTGT 8%. Hóa đơn số 00000213, ký hiệu 1C24TDA. Chưa thanh toán cho người bán.

Nợ TK 642:	3.080.000 đồng
Nợ TK 133:	246.400 đồng
Có TK 331_DP:	3.326.400 đồng

Nghiệp vụ 4 (Phụ lục 2,7): Ngày 04/04/2024 Công ty mua một Inox tấm 304/No1 5mm và hai tấm Inox 304/No1 3mm từ Công ty TNHH Duy Luận, thuế GTGT 10%. Hóa đơn số 00001632, ký hiệu 1C24TDA. Kế toán kho ghi nhận đối chiếu và lập phiếu nhập kho NK01234. Sau đó kiểm tra xét duyệt rồi thanh toán khi nhận hàng với tổng số tiền là 17.700.000 bao gồm đầy đủ chứng từ liên quan.

Nợ TK 156:	16.090.909 đồng
Nợ TK 133:	1.609.091 đồng
Có TK 331_DL:	17.700.000 đồng

Nghiệp vụ 5 (Phụ lục 8): Ngày 23/04/2024 Công ty mua 4 mặt bích inox 304 Jis và 1 mặt bích inox 304 DN50, Thép không gỉ 304 từ Công ty TNHH MTV Gia Vũ METAL đơn giá chưa thuế 8.649.000 đồng, thuế GTGT 10%. Hóa đơn số 253, ký hiệu 1C24TGV. Chưa thanh toán cho người bán. Kế toán kiểm tra và thanh toán cho nhà cung cấp.

Kế toán công nợ hạch toán:

Nợ TK 156	8.649.000 đồng
Nợ TK 133	846.900 đồng
Có TK 331_GV	9.513.900 đồng

+ Liên quan đến sổ kế toán:

- Sổ Nhật ký chung (Phụ lục 9)
- Sổ chi tiết công nợ phải trả 331 (Phụ lục 10)
- Sổ cái 331 (Phụ lục 11)

+ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Báo cáo tổng hợp công nợ phải trả nhà cung cấp
- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ **Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc:** Ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung và xử lý dữ liệu bằng phần mềm Bkav QLHĐ

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp theo “Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014” và các luật, chuẩn mực kế toán mà Việt Nam ban hành.

+ **Liên quan đến công việc kế toán khác:**

- Kế toán mua – bán hàng hóa.
- Kế toán giá thành công nợ.
- Kế toán thanh toán thu - chi
- Kế toán hàng tồn kho.

+ **Cách lưu trữ hồ sơ kế toán:**

Lưu trữ hồ sơ chứng từ công nợ phải trả khách hàng trên Excel theo folder và nhiều file khác nhau như sau:

- Bản đối chiếu công nợ khách hàng theo hàng tháng, quý năm.
- Các chứng từ thỏa thuận đối chứng công nợ phải trả khách hàng.
- Các quyết định xử lý công nợ theo nguyên tắc của hợp đồng kinh tế hay công ty.
- Các công văn, văn bản đòi nợ từng lần của các món nợ chưa trả khách hàng.

Chứng từ sổ sách báo cáo được lưu trữ trên ổ đĩa phần mềm kế toán công ty(Aibooks Bkav)

Cuối năm kế toán của công ty sẽ in thành cuốn sổ sách chứng từ và đóng thành cuốn.

2.3.4 Kiểm tra kết quả công việc

Người kiểm tra: Kế toán tổng hợp kí xét duyệt, sau đó Kế toán Trưởng xét duyệt một lần nữa.

Định kỳ kiểm tra: hàng tháng.

Cách thức kiểm tra:

- Đối chiếu chứng từ, hóa đơn, phiếu nhập kho.
- Kiểm tra hợp đồng, Ủy nhiệm chi...
- Kiểm tra sao kê ngân hàng.

CHƯƠNG 3

NHẬN XÉT VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – MÔI TRƯỜNG QH

3.1 Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán phải trả người bán tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH:

3.1.1. Sự cần thiết

Phân tích tình hình công nợ đặc biệt các khoản phải trả người bán là một việc rất cần thiết và quan trọng, cung cấp dữ liệu, tài liệu cho công ty làm cơ sở để hạch toán các chương trình cho từng giai đoạn. Giúp công ty nắm rõ các khoản nợ từ đó lên kế hoạch thanh toán hợp lý, đảm bảo dòng tiền lưu chuyển không bị gián đoạn. Theo dõi chính xác các khoản nợ tránh tình trạng nợ quá hạn hoặc bị phát sinh các khoản lãi không đáng có. “Nợ phải trả tăng hay giảm có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của công ty. Do đó khi nợ phải trả tăng hoặc giảm nghĩa là hệ số nợ cũng sẽ tăng hoặc giảm theo ($\text{Hệ số nợ} = \text{Nợ phải trả} / \text{tổng tài sản}$). Nếu hệ số nợ nhỏ thì công ty đang có mức độ vừa phải vừa an toàn, giảm đi khả năng công ty rơi vào tình trạng phá sản và mất khả năng trả nợ. Ngược lại còn nếu hệ số nợ cao sẽ gây tiềm ẩn nhiều rủi ro xấu cho công ty”. Vì vậy một công ty muốn phát triển bền vững trước hết phải có kinh tế tài chính vững chắc ổn định. Muốn làm điều đó công ty phải quản lý việc đưa ra các quyết định như vay nợ, chi tiêu, hay đàm phán với các nhà cung cấp một cách hợp lý chính xác và có hiệu quả tình hình thanh toán công nợ tại công ty, tăng cường được khả năng các khoản thanh toán của công ty, nhằm tạo được lòng tin và sự tự tin tưởng, uy tín riêng biệt với khách hàng và đồng thời giúp công ty thực hiện nghĩa vụ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến tài chính, kế toán và thuế,...

Trong thời gian thực tập và tìm hiểu về “*Kế toán phải trả người bán*” tại Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH giúp em hiểu rõ hơn thêm về sự cần thiết và tầm quan trọng công tác kế toán nợ phải trả người bán. Để hoàn thiện tốt về công tác kế toán nợ phải trả người bán cũng như đem lại nhiều lợi ích cho công ty, giúp cho công ty quản lý và giám sát chặt chẽ hơn tình hình thanh toán công nợ. Đồng thời, các số liệu mà kế toán phải trả người bán cung cấp giúp cho công ty nắm bắt được mức độ

hoàn chỉnh cũng như nhằm phục vụ cho việc xác định, đánh giá kết quả thanh toán kịp thời. Từ đó công ty cần có chính sách phù hợp nhằm đẩy mạnh vòng quay vốn tránh thất thoát không đáng có xảy ra.

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện:

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường là mục tiêu và phát triển nhanh cũng là trách nhiệm và mong muốn của toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH. Công ty hiện nay đã trở thành một công ty lớn có uy tín trên thị trường, có thị phần kinh tế ổn định mang lại hiệu quả kinh tế nhất định.

Hệ thống quản lý công ty nói chung và bộ phận kế toán của công ty nói riêng đã không ngừng tìm tòi, học hỏi để dần dần hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu sản xuất, cung ứng dịch vụ công ty ngày càng đa dạng phong phú. “Các nhân viên trong phòng ban kế toán được sắp xếp vị trí công tác phù hợp với trình độ và khả năng của mỗi người. Qua thực tế cho thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán phải trả người bán nói riêng đã đảm bảo được đúng yêu cầu tính thống nhất phạm vi tính toán chi tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận có liên quan cũng như nội bộ của công tác kế toán. Đồng thời đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh một cách chính xác chặt chẽ, trung thực, hợp lý, dễ hiểu để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý của công ty.”

Bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những rủi ro khi quy mô công ty đang ngày càng phát triển nhưng việc luân chuyển lưu trữ chứng từ, sổ sách còn gặp vấn đề cần xem xét và hoàn thiện, cụ thể:

- Chứng từ từ các phòng ban chuyển sang phòng kế toán thường tập trung vào cuối tháng nên công việc của kế toán thường bị dồn vào những ngày cuối tháng. Điều này làm cho nhân viên phòng kế toán bị áp lực lớn, không kịp làm rất dễ bị nhầm lẫn, sai sót trong công việc.
- Chứng từ tại Công ty không được lưu thành từng bộ, hóa đơn, hợp đồng,...đều lưu riêng điều này sẽ không thuận tiện cho việc tìm lại chứng từ cho các nghiệp vụ trước hay nghiệp vụ cần kiểm tra và xem lại khi cần.
- Công nợ phải trả nhà cung cấp bị quá hạn thanh toán hoặc lâu ngày chưa được giải quyết điều này ảnh hưởng đến sự uy tín của doanh nghiệp bị giảm đi. Phòng ban kế

toán chưa có kế hoạch sự hạch toán các khoản nợ phải trả theo từng đối tượng, từng khoản,...khiến cho nợ phải trả bị dồn tồn đọng lại nhiều.

- Kế toán lập các báo cáo công nợ theo từng đối tượng, theo dõi các công nợ trên sổ còn chậm và có khi sai sót cần chỉnh sửa.

3.2 Giải pháp

3.2.1 Giải pháp về tổ chức bộ máy kế toán

- Khối lượng công việc nhiều nên có thể ảnh hưởng đến tinh thần và năng suất làm việc của nhân viên vì vậy công ty cần xem xét và tuyển thêm nhân sự cho các phòng ban kế toán để đảm bảo công việc được thực hiện đúng tiến độ và hiệu quả cao. Như vậy cũng giúp nhân viên bớt đi áp lực căng thẳng.

- Tăng cường cho nhân viên tham gia hay học các khóa học đào tạo chuyên sâu về phần mềm kế toán mà công ty đang sử dụng.

- Thăm dò ý kiến cập nhật những vấn đề mà bộ phận kế toán thường xuyên gặp phải xuyên suốt trong quá trình sử dụng phần mềm. Sau đó tiếp nhận và đưa ra hướng giải quyết phù hợp.

- Hỗ trợ nâng cao thêm trình độ tiếng anh cần thiết cho từng nhân viên bằng khóa học bổ trợ nhân viên cũng như yêu cầu tuyển dụng cho ứng viên. Để việc hiểu và ứng dụng các chức năng phần mềm, giao tiếp đạt hiệu quả cao.

3.2.2 Giải pháp về công tác kế toán phải trả người bán tại Công ty TNHH Xây Dựng

– Môi Trường QH.

- Thường xuyên đối chiếu công nợ với người bán để đảm bảo bảo số liệu khớp đúng tránh các tranh chấp về sau.

- Công ty bổ sung thêm các báo cáo quản trị, báo cáo tổng hợp chi tiết về tình hình công nợ, báo cáo thanh toán,...

- Xây dựng các quy định rõ ràng về hạn mức thanh toán, quy trình phê duyệt và thời hạn thanh toán điều này giúp công ty kiểm soát dòng tiền và tránh việc trậm trễ thanh toán.

- Công ty cần củng cố nâng cao, trình độ chuyên môn của nhân viên khi thị trường kinh tế ngày càng phát triển

KẾT LUẬN

Các khoản phải trả người bán cũng như khả năng thanh toán, quản lý tài chính là một phần thiết yếu nó ảnh hưởng trực tiếp đến việc quản lý dòng tiền, uy tín với nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động tài chính tổng thể. Vì vậy một công ty nếu muốn tồn tại, hoàn thiện và phát triển bền vững trong điều kiện kinh tế hiện nay thì đòi hỏi cần làm tốt việc quản lý xây dựng tốt quy trình chuẩn hóa, áp dụng công nghệ thông tin, theo dõi chi tiết và kiểm soát các khoản phải trả và nâng cao khả năng thanh toán của công ty. Nhưng khi đã tham gia vào thị trường kinh tế thì vấn đề gặp phải những khó khăn về việc bị chiếm dụng vốn, thanh toán tài chính, những rủi ro cao tiềm ẩn về tài chính là điều đáng lo ngại mà không một công ty nào có thể tránh khỏi. Công tác kế toán phải trả người bán phải theo dõi chặt chẽ các nghiệp vụ kinh tế, đặc biệt là các nghiệp vụ thường xuyên, có tính chất rất phức tạp, có nhiều rủi ro. Đồng thời đòi hỏi người kế toán báo cáo kịp thời cho nhà quản trị để xem xét các khoản phải trả tồn đọng.

Sau khi thực tập ở Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH em nhận thấy kiến thức đi học ở trường ít và hạn hẹp so với kiến thức thực hành thực tế đi làm ở ngoài công ty. Nên khi thực tập em gặp không ít khó khăn ở giai đoạn này, bước vào một môi trường chuyên nghiệp em đầy ngỡ ngàng. Nhưng nhờ sự tận tình chỉ dẫn hỗ trợ của các Anh/chị trong công ty cộng với những kiến thức em được học được tiếp thu ở trường nên dần dần về sau công việc được hòa nhập thuận lợi hơn cũng nhờ vậy mà bản thân em sửa chữa khắc phục được nhược điểm vốn có và ngày càng hiểu rõ hơn trách nhiệm nhiệm vụ của một Kế toán viên là như thế nào. Tuy thời gian thực tập ngắn ngủi nhưng em đã cố gắng tìm tòi, học hỏi nghiên cứu và vận dụng những kiến thức được học để áp dụng vào công việc kế toán thực tế tại công ty từ đó giúp hoàn thiện bài báo cáo một cách tốt nhất.

Cuối cùng một lần nữa em xin cảm ơn quý Thầy/Cô của Trường Đại Học Nguyễn Tất Thành và Ths. Vương Sỹ Giao đã hướng dẫn tận tình, đem lại nhiều kiến thức quý báu để em có thể hoàn thành được bài báo cáo khóa luận một cách tốt nhất. Em cũng cảm ơn quý Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH đã tạo cho em nhiều điều kiện trải nghiệm thực tế và môi trường làm việc chuyên nghiệp, uy tín để em có thể học hỏi và phát huy bản thân hơn cho tương lai sau này.

PHỤ LỤC

Thứ tự	Phụ lục	Nhiệm vụ	Trang
Phụ lục 1	Hợp đồng số 01.KN-QH/2023	Nhiệm vụ 1	32
Phụ lục 2	Phiếu xuất kho	Nhiệm vụ 4	33
Phụ lục 3	Ủy nhiệm chi	Nhiệm vụ 1	34
Phụ lục 4	Hóa đơn GTGT 119	Nhiệm vụ 1	35
Phụ lục 5	Hóa đơn GTGT 59	Nhiệm vụ 2	36
Phụ lục 6	Hóa đơn GTGT 00000213	Nhiệm vụ 3	37
Phụ lục 7	Hóa đơn GTGT 00001632	Nhiệm vụ 4	38
Phụ lục 8	Hóa đơn GTGT 253	Nhiệm vụ 5	39
Phụ lục 9	Sổ nhật ký chung của các NV	Nhiệm vụ 1,2,3,4,5	40
Phụ lục 10	Sổ chi tiết công nợ phải trả	Nhiệm vụ 1,2,3,4,5	41
Phụ lục 11	Sổ cái 331	Nhiệm vụ 1,2,3,4,5	42
Phụ lục 12,13, 14	Bảng cân đối kế toán 2023		43,44,45
Phụ lục 15	Báo cáo kết quả HĐKD 2023		46
Phụ lục 16	Báo cáo luân chuyển tiền tệ 2023		47

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 01.KN-HQ/2024

- Căn cứ Luật Dân Sự số 33/2005/QH11 ngày 14-06-2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01-01-2006.
- Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14-06-2005 của Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 01-01-2006.
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm có:

Bên mua (Bên A) : CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

Địa chỉ : 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Người đại diện : Ông HUYNH NHON QUÝ

Chức vụ : Giám Đốc

Mã số thuế : 0313042939

Bên bán (Bên B) : CÔNG TY TNHH TM - DV - KT KHOA NAM

Đại diện : Bà LÝ THỊ HIỆP

Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : 62 Nguyễn Hảo Vĩnh, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP HCM

Điện thoại : 0909051783

Mã số thuế : 0315297971

Số tài khoản : 2566667

Tại : Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) - Phòng Giao Dịch Tân Hương, Quận Tân Phú, TP.HCM

Sau khi bàn bạc, hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng mua bán với các điều kiện và điều khoản sau:

STT	Mã hàng	Tên Hàng	Số Lượng	Đơn giá (VND)	VAT	Thành tiền (VND)
1	BL.20-2	Bom định lượng hoá chất lỏng BL.20-2, 18.3lit/h 220v	05(Cái)	4,310,000	8%	23,274,000
Tổng cộng giá bao gồm VAT						23,274,000

Bảng chữ: Hai mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng.

ĐIỀU 1 : Quy cách - Chất lượng:

- Theo tiêu chuẩn kỹ thuật đã chào hàng .
- Xuất Xứ: Hãng Hanna Instruments - USA sản xuất tại Châu Âu (Romania).
- Hàng hóa có chứng nhận xuất xứ (C/O) cho sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp .

- Hàng hóa được chứng nhận chất lượng(C/Q) cho sản phẩm do nhà sản xuất cung cấp.
- Hóa đơn tài chính : 01 bản

ĐIỀU 2 PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Bên A thanh toán 100% sau khi ký hợp đồng.
- Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền đồng Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

ĐIỀU 3 ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN HÀNG HÓA, CHỨNG TỬ:

- Địa điểm giao hàng: Tại bên A.
- Thời gian giao hàng: 1-2 ngày đối với hàng có sẵn, 8 tuần đối với hàng không có sẵn

ĐIỀU 4 CHỨNG TỬ CUNG CẤP:

- Hóa đơn GTGT: 01 bản gốc
- C/O do nhà sản xuất cung cấp: 01 bản chính.
- C/Q của nhà sản xuất: 01 bản chính.
- Phiếu Bảo hành gốc do bên bán cấp.

- Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hàng hóa: 1 bản gốc

ĐIỀU 5 QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A:

- Kiểm tra số lượng, chủng loại hàng hóa tại địa điểm giao hàng.
- Những nội dung về chất lượng không thể kiểm tra ngay tại thời điểm nhận hàng sẽ được bên A kiểm tra khi vận hành.
- Thực hiện việc bảo quản, bảo trì và vận hành máy theo đúng quy định kỹ thuật của nhà sản xuất và hướng dẫn của bên B (nếu có).

ĐIỀU 6 QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng và thời gian đã qui định trong hợp đồng này.
- Bảo hành hàng hóa theo điều kiện và điều khoản bảo hành của hợp đồng này.

ĐIỀU 7 BẢO HÀNH:

- Bảo hành 12 tháng kể từ ngày giao hàng.
- Phạm vi bảo hành: đối với những lỗi của nhà sản xuất
- Trong thời gian bảo hành, khi nhận được thông báo từ bên A về trục trặc của thiết bị, trong vòng 24 giờ, bên B sẽ tư vấn tư vấn tư vấn bằng điện thoại. Nếu không giải quyết được. Bên A gỡ sản phẩm đến bên B để bảo hành bảo trì sản phẩm.
- Nội dung bảo hành không áp dụng cho các trường hợp thiếu căn trọng trong việc lưu trữ, vận chuyển, xử lý và lắp đặt không đúng quy cách, không theo quy định của nhà sản xuất, sử dụng sản phẩm và phụ tùng thay thế không thích hợp.
- Nội dung bảo hành không áp dụng cho các nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, có ý phá hoại ...

ĐIỀU 8 PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG:

- Trong trường hợp bên B giao hàng không đúng theo quy định của hợp đồng này, bên B phải hoàn lại tiền mà bên A đã thanh toán và chịu phạt là bồi thường thêm cho bên A 10% trị giá hợp đồng này.
- Trong trường hợp bên B giao hàng chậm so với quy định của hợp đồng này, trừ trường hợp bất khả kháng, bên B phải chịu phạt là thanh toán cho Bên A 0,5% trị giá hợp đồng cho mỗi ngày giao chậm. Tổng số tiền phạt không vượt quá 10% giá trị hợp đồng.
- Trường hợp bên bán giao hàng đúng như qui định của Hợp đồng này mà Bên A không nhận hàng thì Bên B không trả lại số tiền bên A đã thanh toán.

ĐIỀU 9 ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Các bên cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các điều khoản và điều kiện của hợp đồng này. Nếu có tranh chấp xảy ra, các bên ưu tiên giải quyết bằng thương lượng. Trong trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, các bên sẽ đưa sự việc ra toà án Kinh Tế TP.HCM để giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân thủ.

1/3

2/3

- Sau khi hết hạn bảo hành, nếu 2 bên không có khiếu nại về thanh toán và chất lượng hàng hóa, dịch vụ thì hợp đồng này sẽ tự động thanh lý.
- Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký.



ĐẠI DIỆN BÊN B



3/3

Phụ lục 1: Hợp đồng số 01.KN-QH/2023.

ỦY NHIỆM CHI/ PAYMENT ORDER

Ngày/Date 19/03/2024

Số/No.

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ Applicant




Đơn vị trả tiền/ Account Name... Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường SH
Số tài khoản/ Account No. 619686868 Tại Ngân hàng Á Châu chi nhánh/ At ACB Branch... Nguyễn Văn Trỗi

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/ Beneficiary

Đơn vị thụ hưởng/ Beneficiary Công ty TNHH TM-DV-KT Khoa Nam
Số tài khoản/ Account No. 2566667
CMND/ PP/ ID/ PP Ngày cấp/ Date of issue Nơi cấp/ Place of issue
Tại ngân hàng/ Beneficiary's Bank TMCP Á Châu (ACB) Tỉnh/ TP/ Province/City Hồ Chí Minh

Số tiền bằng số 23.274.000 Bảng chữ/ Amount in words Hai mươi ba triệu hai ngàn bảy mươi bốn nghìn đồng
Nội dung/ Details Công ty TNHH Xây Dựng Môi Trường SH thanh toán theo số hợp đồng CP KN-HO/19/2024

Phí chuyển tiền do/ Transfer fee to be paid by Đơn vị trả tiền chịu phí/ The applicant Đơn vị thụ hưởng chịu phí/ The beneficiary

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/ Applicant		NGÂN HÀNG Á CHÂU/ ACB		NGÂN HÀNG B/ B Bank	
Kế toán trưởng Chief Accountant	Chủ tài khoản Account Holder	Ghi số ngày/ Post Date	Ghi số ngày/ Post Date	Giao dịch viên Teller	Giao dịch viên Teller
		19-03-2024		Kiểm soát viên Supervisor	Trưởng đơn vị Manager
					

Phụ lục 3: Ủy nhiệm chi.



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TTP
Số (No.): 59

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 22 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH TM - KTDV TÂM THỊNH PHÁT**

Mã số thuế (Tax code): 0315549442

Địa chỉ (Address): 364/51/11 Dương Quang Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): 0934200430

Email: tamthinhphat.co77@gmail.com

Số tài khoản (Account No.): 567679797979

Ngân hàng (Bank): Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - Phòng giao dịch Quang Trung

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): **CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH**

Mã số thuế (Tax code): 0313042939

Địa chỉ (Address): 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP Hồ Chí Minh

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Ghi chú (Note):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Bộ khuấy trộn. Vật liệu: Inox 304	Bộ	1	2.600.000	2.600.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					2.600.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		260.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):					2.860.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng

Người mua hàng (Buyer)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Người bán hàng (Seller)
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Sign, full name)

Signature valid

Ký bởi **CÔNG TY TNHH TM - KTDV TÂM THỊNH PHÁT**
Ký ngày 22/03/2024

Mã của cơ quan thuế: 00137C2D0351B348BF81655ECE92204A0

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search> . Mã số bí mật: FQAYLW3TGW6UJW

Phụ lục 5: Hóa đơn GTGT 59..

DAP**Engineering****CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐẠI PHÚC**

Mã số thuế (Tax code): 0310213008

Địa chỉ (Address): 441/48/24 Lê Văn Quới, Khu phố 6, Phường Bình Trị Đông A, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (84-28) 7301 0337

Website: www.kythuatdaiphuc.com

Số tài khoản (Bank account): 0601 9719 9779 - Tại Ngân hàng Sacombank – CN Bình Tân- TP.HCM

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Ký hiệu (Serial): 1C24TDA

Số (No.): **00000213**

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Mã QGT (Code): 00CC5ABE8FFA4E4BFCB34E24E9E72C6E3B

Họ tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

Mã số thuế (Tax code): 0313042939

Địa chỉ (Address): 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số tài khoản (Bank account):

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods and services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đồng hồ nước thân gang LXXG-50, DN50, FLOWTECH	Bộ	1	3.080.000	3.080.000
Cộng tiền hàng (Total amount excl. VAT):					3.080.000
Thuế suất GTGT (VAT rate):		8%	Tiền thuế GTGT (VAT amount):		246.400
Tổng tiền thanh toán (Total amount):					3.326.400
Số tiền viết bằng chữ (Total amount in words): Ba triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng chẵn.					

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký số (nếu có))

(Signature, full name)

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, chữ ký số)

(Signature, full name)

Signature Valid

Ký bởi (Signed By): CÔNG TY TNHH

THƯƠNG MẠI DỊCH

VỤ KỸ THUẬT ĐẠI

PHÚC

Ký ngày (Signing Date): 03/04/2024

Tra cứu tại Website (Search in website): <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu (Invoice code): 7MC0H22BZ400

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) (You need to check invoice when issuing, delivering and receiving)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Phụ lục 6: Hóa đơn GTGT 00000213.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2024

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số trạng trước chuyển sang					
	HD119	19/03/2024	Thanh toán nợ trước cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Khoa Nam bằng tiền gửi ngân hàng (đã bao gồm thuế)		1	331	23.274.000	
	HD119	19/03/2024	Thanh toán nợ trước cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Khoa Nam bằng tiền gửi ngân hàng (đã bao gồm thuế)		2	112		23.274.000
	HD59	22/03/2024	Mua Bộ khuấy trộn từ Công ty TNHH TM- KTDV Tâm Thịnh Phát		3	641	2.600.000	
	HD59	22/03/2024	Thuế GTGT 10%		4	133	260.000	
	HD59	22/03/2024	Phải trả người bán		5	331		2.860.000
	HD00000213	03/04/2024	Công ty mua thiết bị đồng hồ nước thân gang để phục vụ cho văn phòng từ nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đại		6	642	3.080.000	
	HD00000213	03/04/2024	Thuế GTGT 8%		7	133	246.400	
	HD00000213	03/04/2024	Phải trả người bán		8	331		3.326.400
	HD00001632	04/04/2024	Công ty mua Inox từ công ty TNHH Duy Luân		9	156	16.090.909	
	HD00001632	04/04/2024	Thuế GTGT		10	133	1.609.091	
	HD00001632	04/04/2024	Phải trả cho Công ty TNHH Duy Luân		11	331		17.700.000
	HD253	23/04/2024	Công ty mua mặt bích Inox từ công ty THH MTV Gia Vũ METAL		12	156	8.649.000	
	HD253	23/04/2024	Thuế GTGT		13	133	864.900	
	HD253	23/04/2024	Thanh toán cho công ty TNHH MTV Gia Vũ METAL		14	331		9.513.900
			Cộng chuyển sang trang sau	x	x	x	56.674.300	56.674.300

Phụ lục 9: Nhật Ký Chung của các NV.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

Mẫu số S31-DN

Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc,
Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ PHẢI TRẢ

Tài khoản: 3311

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số tiền VNĐ	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3
			- Số dư đầu kỳ				105.490.000
			- Số phát sinh trong kỳ				
	HD119	19/03/2024	Thanh toán nợ trước cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Khoa Nam bằng tiền gửi ngân hàng (đã bao gồm thuế)	112		23.274.000	
	HD59	22/03/2024	Mua Bộ khuấy trộn từ Công ty TNHH TM- KTDV Tâm Thịnh Phát	641			2.600.000
	HD59	22/03/2024	Thuế GTGT	133			260.000
	HD00000213	03/04/2024	Công ty mua thiết bị đồng hồ nước thân gang để phục vụ cho văn phòng từ nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đại Phúc	642			3.080.000
	HD00000213	03/04/2024	Thuế GTGT	133			246.400
	HD00001632	04/04/2024	Thuế GTGT	133			1.609.091
	HD00001632	04/04/2024	Công ty mua Inox từ công ty TNHH Duy Luân	156			16.090.909
	HD253	23/04/2024	Thuế GTGT	133			864.900
	HD253	23/04/2024	Công ty mua mặt bích Inox từ công ty THH MTV Gia Vũ METAL	156			8.649.000
			- Cộng số phát sinh	x	x	23.274.000	33.382.300
			- Số dư cuối kỳ	x	x		95.381.700

Phụ lục 10: Sổ chi tiết công nợ phải trả người bán.

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH
 Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận
 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
 (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
 Năm 2024
 Tên tài khoản: Phải trả người bán
 Số hiệu: 331

Ngày, tháng ghi	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK công nợ	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			Số dư đầu kỳ						105.490.000
	HD119	19/03/2024	Thanh toán nợ trước cho Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Khoa Nam bằng tiền gửi ngân hàng (đã bao gồm thuế)	1	2	331	112	23.274.000	
	HD59	22/03/2024	Mua Bộ khuấy trộn từ Công ty TNHH TM- KTDV Tâm Thịnh Phát	1	4	331	641		2.600.000
	HD59	22/03/2024	Thuế GTGT	1	5	331	133		260.000
	HD00000213	03/04/2024	Công ty mua thiết bị đồng hồ nước thân gang để phục vụ cho văn phòng từ nhà cung cấp Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Kỹ Thuật Đại Phúc	1	6	331	642		3.080.000
	HD00000213	03/04/2024	Thuế GTGT	1	7	331	133		246.400
	HD00001632	04/04/2024	Công ty mua Inox từ công ty TNHH Duy Luân	1	3	331	156		16.090.909
	HD00001632	04/04/2024	Thuế GTGT	1	4	331	133		1.609.091
	HD253	23/04/2024	Công ty mua mặt bích Inox từ công ty THH MTV Gia Vũ METAL	1	6	331	156		8.649.000
	HD253	23/04/2024	Thuế GTGT	1	7	331	133		864.900
			Cộng số phát sinh					23.274.000	33.382.300
			Số dư cuối kỳ						95.381.700

Phụ lục 11: Sổ cái 331.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giá định hoạt động liên tục)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH
[02] Mã số thuế: 0313042939
[03] Địa chỉ: 345/72 Hà Huy Giáp, Khu Phố 3B - phường Thạnh Lộc
[04] Quận/Huyện: Quận 12
[05] Tỉnh/Thành phố: TP Hồ Chí Minh
[06] Điện thoại:
[07] Fax:
[08] E-mail:
BCTC đã được kiểm toán:
Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		6.773.144.885	6.899.434.417
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		3.021.394.167	2.550.790.846
1. Tiền	111		3.021.394.167	2.550.790.846
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		696.640.423	488.406.299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		392.280.978	488.406.299
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		279.846.236	0
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		24.513.209	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		3.054.462.956	3.813.740.956
1. Hàng tồn kho	141		3.054.462.956	3.813.740.956
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		647.339	46.496.316
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	46.496.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		647.339	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		214.371.871	286.712.330
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +....+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

1/4

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0

Phụ lục 12: Bảng cân đối kế toán 2023.

7. Dự phòng phải trả dài hạn khác (*)	217		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		173.896.086	254.155.830
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		173.896.086	254.155.830
- Nguyên giá	222		561.818.182	561.818.182
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(387.922.096)	(307.662.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		40.475.785	32.556.500
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		40.475.785	32.556.500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.987.516.756	7.186.146.747
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		3.913.572.123	4.130.935.133
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		2.241.028.561	2.724.935.133
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		705.893.434	2.702.473.664
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.509.337.410	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		24.465.806	3.041.188
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		1.331.911	19.420.281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		1.672.543.562	1.406.000.000

2/4

Phụ lục 13: Bảng cân đối kế toán 2023.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

[03] Mã số thuế: 0313042939

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.290.096.032	5.747.488.008
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.290.096.032	5.747.488.008
4. Giá vốn hàng bán	11		1.954.149.357	4.947.532.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.335.946.675	799.955.508
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.625.231	460.222
7. Chi phí tài chính	22		120.434.620	140.778.446
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.434.620	140.778.446
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.193.721.012	628.326.948
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		23.416.274	31.310.336
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32		0	0
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		23.416.274	31.310.336
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		4.683.255	6.262.067
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.733.019	25.048.269
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

1/2

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Nhơn Quý

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chỉ áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH.

Phụ lục 15: Báo cáo kết quả HDKD 2023.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2023

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH

[03] Mã số thuế: 0313042939

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		5.222.747.710	5.844.392.060
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3.408.150.969)	(5.337.675.111)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.089.994.374)	(884.505.902)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(120.434.620)	(122.241.693)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(6.500.000)	(6.500.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		41.723.507	38.943.329
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(436.234.726)	(222.350.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		203.156.528	(689.937.993)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.625.231	460.222
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.625.231	460.222
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.680.000.000	1.716.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.413.456.438)	(1.722.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		266.543.562	(6.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		471.325.321	(695.477.771)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.550.068.846	2.346.268.617
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		3.021.394.167	1.650.790.846

1/2

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Huỳnh Nhơn Quý

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - MÔI TRƯỜNG QH.

Phụ lục 16: : Báo cáo luân chuyển tiền tệ 2023.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.
2. Ngô Thị thu Hồng, Giáo Trình học viện tài chính 2, TP. Hồ Chí Minh.
3. Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành.
4. Một số trang web tham khảo:
 - Thư viện pháp luật (tác giả: Bùi Tường Vũ): <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat-doanh-nghiep/bai-viet/huong-dan-tai-khoan-331-phai-tra-cho-nguoi-ban-theo-thong-tu-200-2014-tt-btc-3204.html>
 - Bkav eHoaDon (07/02/2020): <https://ehoadonbkav.com/quan-ly-hoa-don-dau-vao-phan-mem-xu-ly-hoa-don-dau-vao-tu-dong-d465314/>
 - Nguyên tắc hạch toán 331 – Thông tư 200 (Kế toán thiên ung): <https://ketoanthienung.net/cach-hach-toan-phai-tra-cho-nguoi-ban-tk-331.htm>
5. Tài khoản 331 – Thông tư 200 : Cách hạch toán phải trả cho người bán - Tài khoản 331 theo TT 200 (ketoanthienung.net)
6. VIB, 2023: Phân loại kế toán phải trả người bán TK 331
7. Tài liệu của Công ty TNHH Xây Dựng – Môi Trường QH cung cấp.